TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/4/2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hương;

2. Bà Phạm Thị Như Súy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hướng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 181/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *N đơn*: Chị Trần Thị T L, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 3, thôn 13, xã Đ, thành phố B, tỉnh L. *Có mặt.*

- *Bị đơn*: Anh Phan C T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn 2C, xã Q C, huyện QS, tỉnh QN. *Vắng mặt lần 2 không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2017, bản tự khai và trong quá trình xét xử, N đơn – chị Trần Thị T L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện kết hôn vào ngày 25/01/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q C, huyện QS, tỉnh QN. Sau khi kết hôn vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh T thường xuyên đánh đập chị, đam

mê các tệ nạn xã hội, không lo lắng cho gia đình. Chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Nay, Chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị xin được ly hôn với anh Phan C T.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Phan Trần T N, sinh ngày 28/4/2014. Khi ly hôn, Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh Tcấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn – anh Phan Công T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Tthống nhất với lời trình bày của Chị L về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy có cãi vã nhau nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Anh T thừa nhận thời gian gần đây anh thường đi làm ăn xa nhà nên không quan tâm đến vợ con. Nay, anh T thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên anh xin Tòa án giải quyết cho anh chị được đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con chung trưởng thành.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Phan Trần T N, sinh ngày 28/4/2014. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị T L; giao cháu Phan Trần T N cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bị đơn, anh Phan C T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị T L có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Phan C T, địa chỉ: Thôn 2C, xã Q C, huyện QS,

tỉnh QN. Nay, Chị L khởi kiện xin ly hôn với anh T và yêu cầu được quyền nuôi con, nên quan hệ pháp luật được xác định là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Q C, huyện QS, tỉnh QN cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25 tháng 01 năm 2014. Từ năm 2015 cho đến nay Chị L và anh T không còn chung sống, không còn quan tâm đến nhau, Chị L không còn tình cảm với anh T. Mặc dù, anh T cho rằng mâu thuẫn giữa anh chị chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, anh vẫn còn thương yêu vợ con nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho đoàn tụ. Tuy nhiên, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, anh T vắng mặt không có lý do, Chị L vẫn cương quyết xin ly hôn, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L anh Tđã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Chị L và anh T đều yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Trần T N, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu N là nữ nên việc để mẹ chăm sóc sẽ tốt hơn cho sự phát triển toàn diện về tâm, sinh lý của cháu. Theo giấy xác nhận thu nhập lập ngày 27/11/2017 thì mức thu nhập 5.600.000 đồng/tháng của Chị là đủ điều kiện để nuôi con. Hơn nữa, hiện tại cháu N đang chung sống với Chị L nên cần tiếp tục giao cháu N cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Trần Thị T L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T L và anh Phan C T

2. Về con chung: Giao cháu Phan Trần T N, sinh ngày 28/4/2014 cho chị Trần Thị T L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh Phan C T

không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị Trần Thị T L phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Chị L đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006518 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. N đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/4/2018). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thọ